

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2020/HNGĐ-ST

Ngày 22 - 7 - 2020

V/v Xin ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Huỳnh Thị Út Mẫn**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Trần Thị Ngọc Trân**

Bà **Phạm Kiều Diễm**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Danh Quàng** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang: Bà **Nguyễn Thị Ngọc Thùy** – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 73/2019/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2019 về việc xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 23/2020/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **TEE SIEW W**, sinh ngày 11/10/1967

Địa chỉ: K, Ragen si 41300 K, Malaysia.

- Bị đơn: Ông **Trần Hoài T**, sinh ngày 03/02/1985

Địa chỉ: Ấp C, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

(Nguyên đơn và bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn bà TEE SIEW W trình bày:

Trong thời gian ông Trần Hoài T sống và làm việc tại Malaysia, bà và ông Trần Hoài T quen biết nhau và tiến tới hôn nhân được Cơ quan có thẩm quyền tại Malaysia cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 25/3/2014. Sau khi kết hôn, vợ chồng ông bà sống với nhau được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, bất đồng ngôn ngữ và chênh lệch về tuổi tác, không

có sự gắn kết tình cảm vợ chồng. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không muốn duy trì cuộc hôn nhân này nữa, nên bà làm đơn ly hôn và yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- Về hôn nhân: Cho bà được ly hôn với ông Trần Hoài T.
- Về con chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.
- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Tại văn bản đồng ý ly hôn ông Trần Hoài T trình bày: Năm 2014, trong thời gian sống và làm việc tại Malaysia, ông có quen biết bà TEE SIEW W, nảy sinh tình cảm và tiến tới hôn nhân, nhưng sau khi kết hôn sống chung khoảng thời gian ngắn thì nảy sinh mâu thuẫn. Ông được biết bà TEE SIEW W có làm đơn yêu cầu xin ly hôn tại Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang nên ông đồng ý ly hôn và yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- Về hôn nhân: Cho ông được ly hôn với bà TEE SIEW W.
- Về con chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.
- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Ngoài ra, ông có đơn xin xét xử vắng mặt tại các phiên làm việc, phiên tòa xét xử vụ việc.

* Tại Văn bản số 1054/STP-HC&BTTP ngày 16 tháng 6 năm 2020 của Sở Tư pháp tỉnh Kiên Giang xác nhận, bà TEE SIEW W và ông Trần Hoài T không có thực hiện thủ tục ghi vào Sổ việc kết hôn tại Sở Tư pháp tỉnh Kiên Giang.

* Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang: Về thẩm quyền xét xử, do vụ án có đương sự là bà TEE SIEW W là người nước ngoài, nên Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Bà TEE SIEW W và ông Trần Hoài T kết hôn, đã được Cơ quan có thẩm quyền tại Malaysia cấp giấy chứng nhận kết hôn; tuy nhiên, ông, bà không thực hiện thủ tục ghi vào Sổ việc kết hôn tại Sở Tư pháp tỉnh Kiên Giang để được công nhận việc kết hôn theo quy định tại các Điều 36, 37 và 38 của Nghị định 126/2014/NĐ-CP ngày 31/12/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật hôn nhân và gia đình. Do đó, việc kết hôn giữa Bà TEE SIEW W và ông Trần Hoài T là chưa được công nhận, nên đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ giữa Bà TEE SIEW W và ông Trần Hoài T là vợ chồng.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của nguyên đơn và bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bà TEE SIEW W và ông Trần Hoài T đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ theo quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án: Bà TEE SIEW W và ông Trần Hoài T sau khi quen biết, tìm hiểu và tự nguyện kết hôn với nhau; ông, bà đã đăng ký kết hôn và được Cơ quan có thẩm quyền của Malaysia cấp giấy chứng nhận kết hôn số 433146 ngày 25/3/2014. Sau thời gian kết hôn và chung sống, giữa bà TEE SIEW W và ông Trần Hoài T phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, dẫn đến không còn tình cảm yêu thương nhau. Do đó, bà TEE SIEW W khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Trần Hoài T. Ông Thanh vắng mặt tại phiên toàn, nhưng có văn bản trình bày ý kiến đồng ý ly hôn với bà TEE SIEW W.

[3] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án có văn bản đề nghị Sở tư pháp tỉnh Kiên Giang xác nhận việc bà TEE SIEW W và ông Trần Hoài T có thực hiện thủ tục ghi vào Sổ kết hôn theo quy định hay không. Tại Văn bản trả lời số 1054/STP-HC&BTTP ngày 16 tháng 6 năm 2020 của Sở Tư pháp tỉnh Kiên Giang xác nhận, bà TEE SIEW W và ông Trần Hoài T không có thực hiện thủ tục ghi vào Sổ việc kết hôn theo quy định của pháp luật.

[4] Xét quan hệ hôn nhân giữa bà TEE SIEW W và ông Trần Hoài T dựa trên cơ sở tự nguyện, việc kết hôn đã được Cơ quan có thẩm quyền của Malaysia cấp giấy chứng nhận kết hôn. Tuy nhiên, sau khi được giải quyết việc kết hôn tại nước ngoài, ông Thanh và bà TEE SIEW W chưa thực hiện thủ tục ghi vào Sổ kết hôn tại Cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam theo quy định tại Điều 36, Điều 37 và Điều 38 của Nghị định 126/2014/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật hôn nhân và gia đình. Do đó, việc kết hôn giữa bà TEE SIEW W và ông Trần Hoài T chưa được công nhận tại Việt Nam, nên chưa làm phát sinh quan hệ hôn nhân theo quy định của pháp luật Việt Nam. Từ nhận định trên, trong nghị án Hội đồng xét xử thống nhất xử không công nhận quan hệ giữa bà TEE SIEW W và ông Trần Hoài T là vợ chồng.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Bà TEE SIEW W và ông Trần Hoài T đều xác định không có, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Bà TEE SIEW W phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 38, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 273, điểm d khoản 1 Điều 469, điểm a khoản 5 Điều 477, khoản 2 Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 9, Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 36, Điều 37 và Điều 38 của Nghị định 126/2014/NĐ-CP ngày 31/12/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** Xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ giữa bà TEE SIEW W và ông Trần Hoài T là vợ chồng.

2. Về quan hệ con chung, tài sản chung, nợ chung: Bà TEE SIEW W và ông Trần Hoài T không có con chung, tài sản chung, nợ chung nên không xem xét.

3. Về án phí: Bà TEE SIEW W nộp án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng, khấu trừ 300.000 đồng (do ông Trần Hoài T nộp thay) tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền án phí, lệ phí Tòa án số 0007195 ngày 11/10/2019 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Kiên Giang.

4. Quyền kháng cáo: Ông Trần Hoài T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày; Bà TEE SIEW W có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- Cục THA dân sự tỉnh Kiên Giang;
- UBND tỉnh Kiên Giang;
- Sở Tư pháp tỉnh Kiên Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thị Út Mẫn

